

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 71/2022/HS-ST
Ngày: 22/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Phạm Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2022/TLST - HS ngày 08/9/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST - HS ngày 08/9/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Công H, sinh năm 1986; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn x, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 28/6/2022; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Trần Thị L; có vợ là Đặng Thị P và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/6/2022 đến ngày 05/8/2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt).

*** Bị hại:** Bà Lê Thị H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn x, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/6/2013 bị cáo Nguyễn Công H được đại diện các hộ gia đình thôn Đ, xã V (nay là thôn x, xã V), huyện B, tỉnh Hà Nam bầu giữ chức vụ Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn của thôn của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Nam (*sau đây viết tắt là Ngân hàng*). Ngày 22/6/2013 Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam phê duyệt chức vụ này đối với bị cáo H.

Theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng thì Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn có trách nhiệm thu tiền lãi, thu tiền gửi tiết kiệm của các tổ viên trong tổ theo quy định nghiệp vụ của Ngân hàng và gửi số

tiền đã thu được của các tổ viên trong tháng cho Ngân hàng vào ngày giao dịch tại xã là ngày 14 hàng tháng; Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn không được thu tiền nợ gốc của các tổ viên vay vốn. Ngày 29/12/2014, Ngân hàng đã ký Hợp đồng ủy nhiệm với Nguyễn Công H về việc thu lãi, thu tiền gửi và thực hiện một số nội dung công việc khác trong quy trình vay của Ngân hàng.

Đầu tháng 11/2016, chị Lê Thị H1 thuộc diện hộ nghèo trong thôn có nhu cầu vay tiền nên chị H1 đã liên hệ với H để làm hồ sơ, thủ tục vay tiền của Ngân hàng. Đến ngày 14/11/2016, chị H1 được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền là 45.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng theo chương trình vay hộ nghèo, thời hạn thanh toán khoản vay là ngày 14/11/2021. Chị H1 là người trực tiếp nhận số tiền 45.000.000 đồng từ Ngân hàng, sau đó chị H1 nộp lại số tiền 1.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm, chị H1 cầm về số tiền 44.000.000 đồng để sử dụng với mục đích chăn nuôi lợn, còn số vay vốn thì bị cáo H giữ không đưa cho chị H1. Do đầu tư vào chứng khoán bị thua lỗ nên bị cáo H muốn có tiền để tiếp tục đầu tư nhằm thu lại tiền. Tháng 6/2020, lợi dụng việc đang giữ chức vụ Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn x, xã V, huyện B và đang giữ sổ vay vốn của chị H1 nên H đã nói với chị H1 là khoản vay của chị tại Ngân hàng đã đến hạn phải tất toán trả nợ gốc. Đồng thời H bảo chị H1 phải chuẩn bị số tiền nợ gốc để đưa cho H nộp về Ngân hàng. Do tin tưởng H là Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn của thôn nên chị H1 đã đưa cho H 44.000.000 đồng và nhờ H nộp trả Ngân hàng. Sau khi nhận được tiền của chị H1, H không tất toán khoản vay cho chị H1 mà dùng để đầu tư vào chứng khoán và tiếp tục bị thua lỗ hết số tiền này. Để che giấu chị H1 và Ngân hàng, hàng tháng H tự thanh toán lãi phát sinh từ khoản vay của chị H1 với Ngân hàng. Tháng 11/2021, do H vẫn không nộp trả số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng của chị H1 cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã gửi thông báo cho chị H1 biết về việc đến hạn phải thanh toán khoản vay. Sau đó, chị H1 đến hỏi và đòi tiền thì H đã đề nghị chị H1 làm thủ tục gia hạn khoản vay với Ngân hàng thêm 6 tháng. Ngày 08/4/2022 chị H1 đề nghị cơ quan Công an xem xét, làm rõ và giải quyết việc bị cáo H chiếm đoạt tiền. Ngày 13/4/2022 H trả lại tiền cho chị H1 để chị H1 tất toán khoản vay với Ngân hàng.

Tại Cáo trạng số 71/CT - VKS - SH ngày 06/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Công H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của chị H1 như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình, nhân thân và việc bị cáo đã khắc phục hậu quả để giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, lao động ngoài xã hội nhằm chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Khoảng tháng 6/2020 do cần tiền để chi tiêu mục đích cá nhân, bị cáo Nguyễn Công H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác. Lợi dụng bản thân đang giữ chức vụ Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn của thôn Đ, xã V (nay là thôn x, xã V), huyện B, tỉnh Hà Nam của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Nam; đồng thời đang giữ sổ vay vốn của chị Lê Thị H1 nên chị H1 không biết thời hạn vay vốn; bị cáo H đã nói dối chị H1 là khoản vay 44.000.000 đồng tại Ngân hàng của chị H1 đã đến hạn trả nợ. Do tin tưởng H nên chị H1 đã đưa cho H 44.000.000 đồng để nhờ H trả nợ Ngân hàng. Sau khi nhận được tiền của chị H1 đưa, H đã dùng vào mục đích cá nhân hết và không có khả năng thay chị H1 trả Ngân hàng. Để che dấu việc làm của mình, hàng tháng Hoàn vẫn đóng tiền lãi cho khoản vay của chị H1. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán (tháng 11/2021) thấy chị H1 chưa tất toán nên Ngân hàng đã thông báo cho chị H1 biết thì lúc này chị H1 mới biết H chiếm đoạt tiền của mình. Sau đó H xin chị H1 làm thủ tục gia hạn trả nợ thêm 06 tháng nhưng H vẫn không trả lại chị H1 khoản tiền đã chiếm đoạt. Chỉ đến khi chị H1 đề nghị Cơ quan Công an giải quyết thì bị cáo H mới trả tiền cho chị H1 để chị H1 trả và tất toán với Ngân hàng.

Hành vi này của bị cáo Nguyễn Công H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt; hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình*” được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[4] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật và quy định tại địa phương; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; đã nhận thức được lỗi của mình và ăn năn hối cải. Do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết

phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, giao bị cáo cho UBND xã nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ để răn đe và cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản, nhân thân, lời trình bày của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã khắc phục hậu quả và chị H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[8] Tình tiết khác của vụ án: Tài liệu điều tra vụ án xác định, trong thời điểm làm Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn, Nguyễn Công H còn có 2 lần vay, mượn tiền của các cá nhân khi được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B giải ngân cho vay, cụ thể như sau:

Tháng 8/2017, do có nhu cầu vay tiền nên bà Nguyễn Thị H2 - sinh năm 1965, trú tại thôn x, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam nhờ Nguyễn Công H làm giúp hồ sơ, thủ tục để vay tiền của Ngân hàng. Ngày 14/8/2017 bà H2 được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình vay nước sạch vệ sinh môi trường, thời hạn vay là 05 năm, hạn phải tất toán khoản vay là ngày 14/8/2022. Tiền lãi hàng tháng bà H2 nộp trực tiếp cho H. Khoảng cuối năm 2018 (bà H2 không xác định được ngày tháng cụ thể), bà H2 đã chủ động mang số tiền 12.000.000 đồng đến nhà đưa cho H để nhờ H trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, năm 2020 bà H2 được Ngân hàng chính sách xã hội huyện B thông báo khoản vay của bà vẫn còn nợ gốc số tiền 12.000.000 đồng nên đã đến gặp H để hỏi thì H bảo bà H2 cho H vay lại khoản vay trên của thì bà H2 đồng ý. Ngày 17/12/2020, Nguyễn Công H đã tất toán khoản vay trên của bà H2 cho Ngân hàng.

Tháng 2/2019, do cần tiền để làm ăn chăn nuôi nên bà Trần Thị H3 - sinh năm 1965, trú tại thôn x, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam nhờ Nguyễn Công H làm hồ sơ, thủ tục để vay vốn tiền của Ngân hàng. Ngày 24/2/2019, bà H3 được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 50.000.000 đồng theo hai chương trình, trong đó chương trình nước sạch vệ sinh môi trường được vay số tiền là 20.000.000 đồng, chương trình hộ cận nghèo được vay số tiền là 30.000.000 đồng; thời hạn vay là 05 năm đến ngày 24/02/2024. Bà H3 là người trực tiếp nhận số tiền trên tại nhà Văn hóa xã V, sau đó bà H3 nộp lại số tiền 1.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm, còn lại bà H3 cầm về số tiền 49.000.000 đồng nhưng khi đi ra cửa nhà Văn hóa thì bà H3 có nói với Nguyễn Công H “Sao vay nhiều thế cô chỉ vay khoảng 20.000.000 đồng thôi” H nói với bà H3 “thế cô đưa cho cháu 25.000.000 đồng để cháu vay lại”, bà H3 đã đồng ý và đưa cho H mượn lại số tiền 25.000.000 đồng tại nhà Văn hóa xã Vn. Tiền lãi hàng tháng thì bà H3 và H thống nhất chia đôi, mỗi người nộp một nửa. Hiện nay H vẫn nợ bà H3 số tiền 25.000.000 đồng.

Xét việc Nguyễn Công H vay lại các khoản vay 12.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H2 và 25.000.000 đồng của bà Trần Thị H3, là các giao dịch dân sự thông thường, được hai bên thỏa thuận, thống nhất với nhau, không có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xem xét, xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm kể từ ngày tuyên án (22/9/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Công H cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách của án treo; bị cáo H phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Nếu bị cáo H vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Công H phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại là chị H1 biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- UBKT huyện ủy B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đảng ủy và UBND xã V;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)